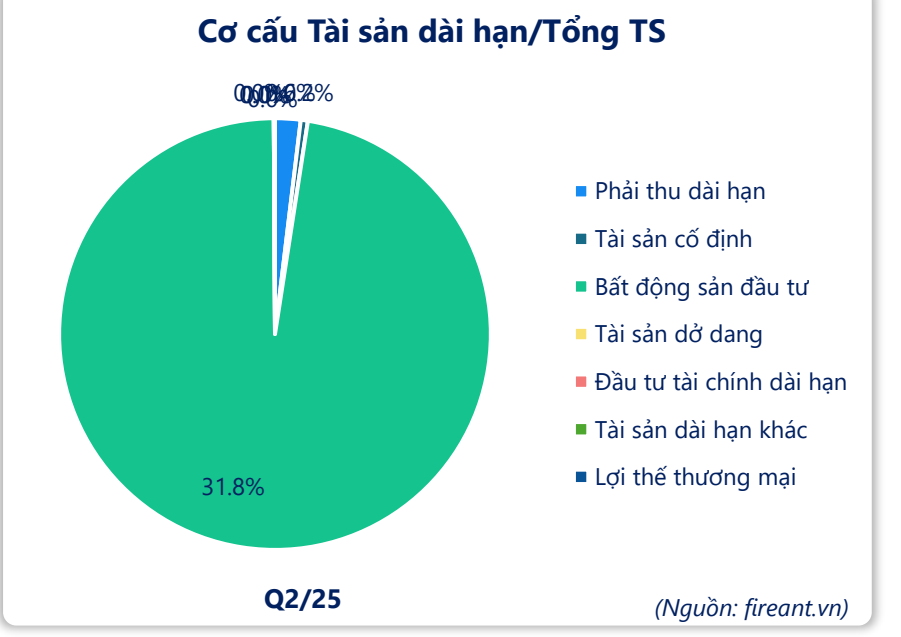
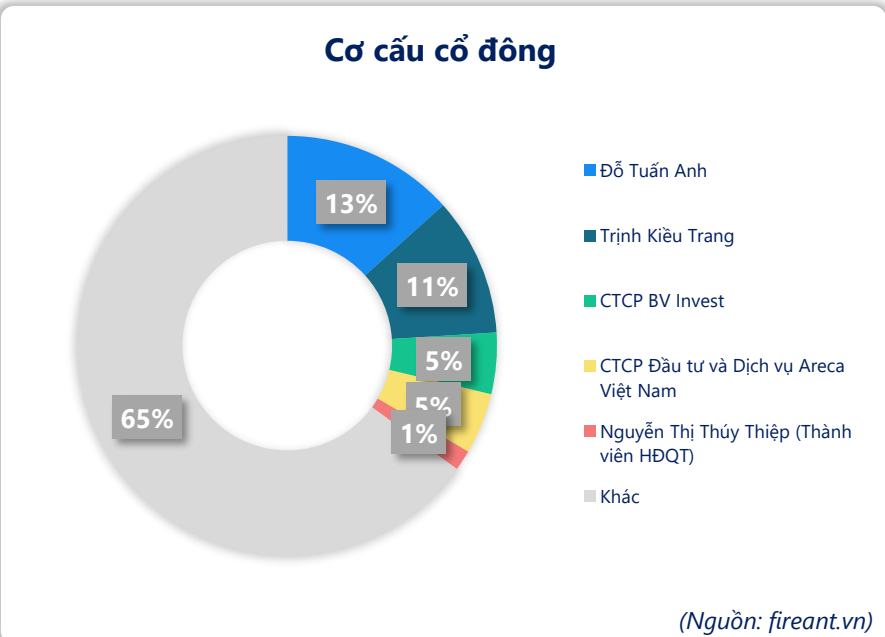
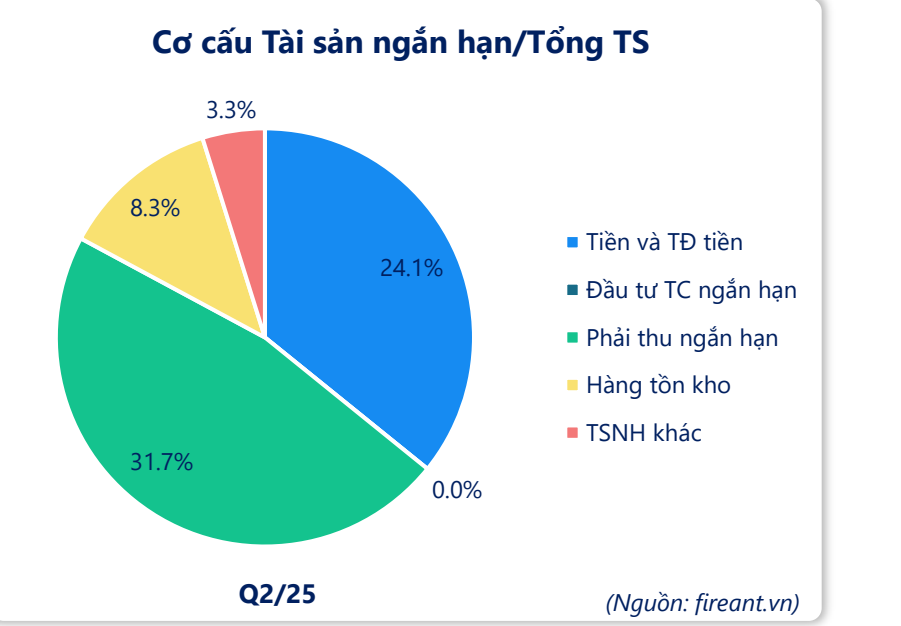
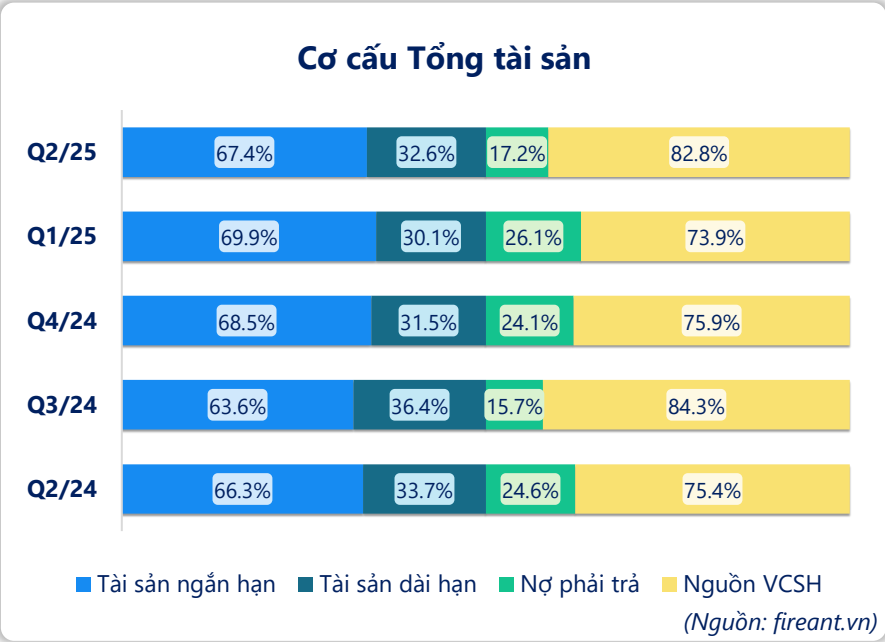
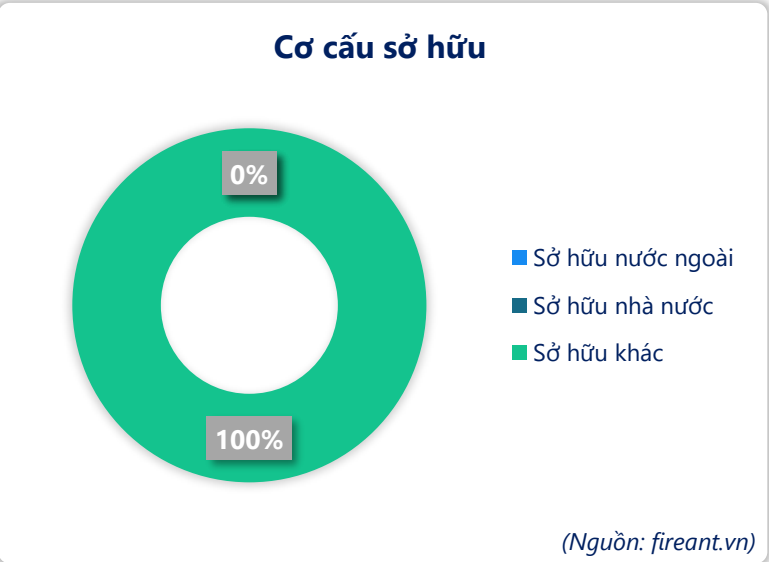
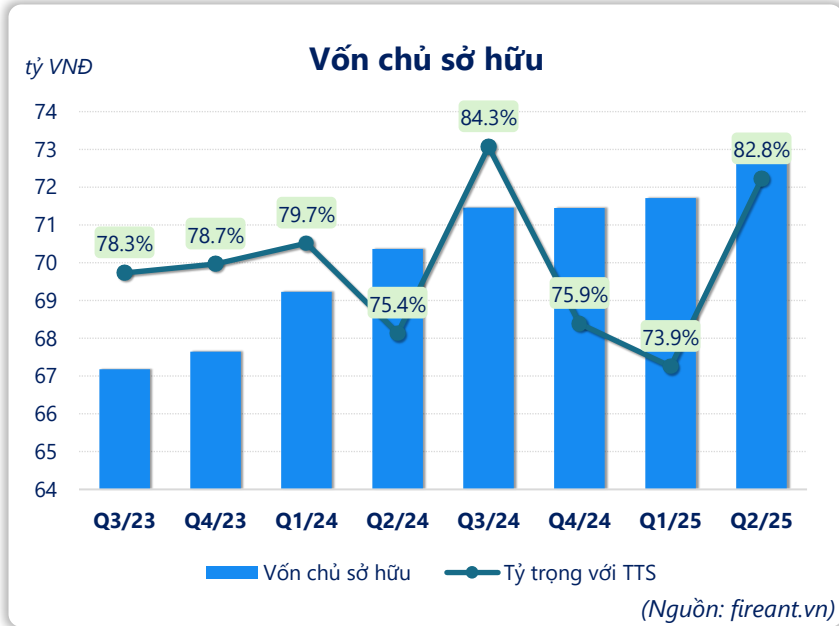
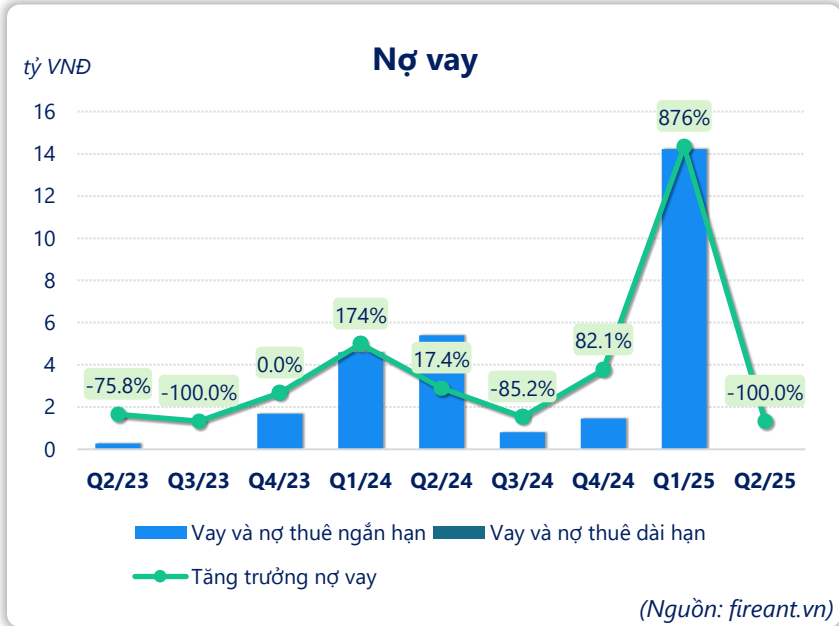
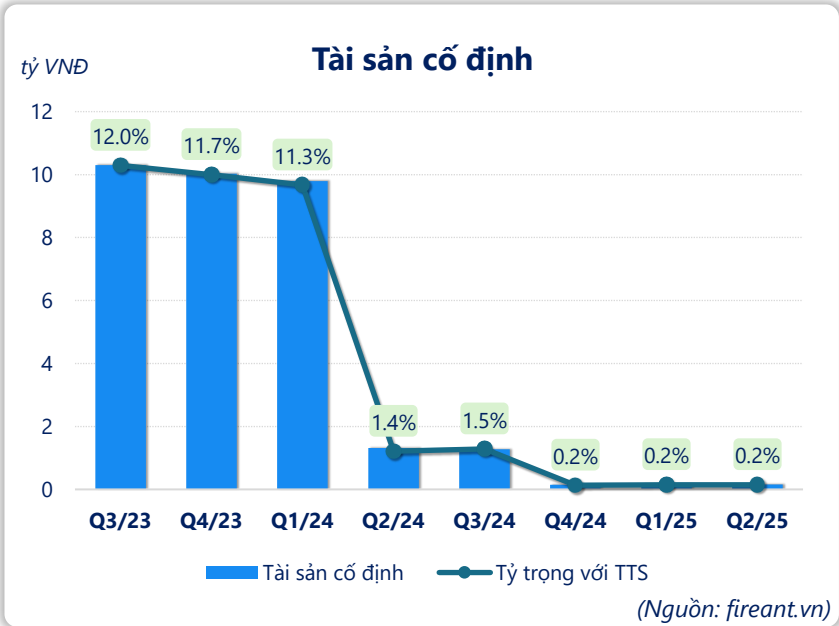
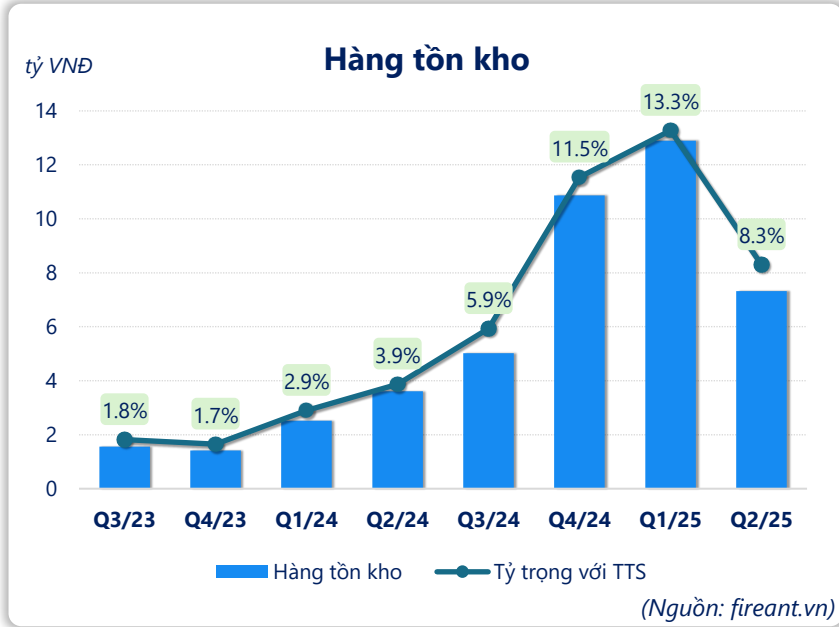
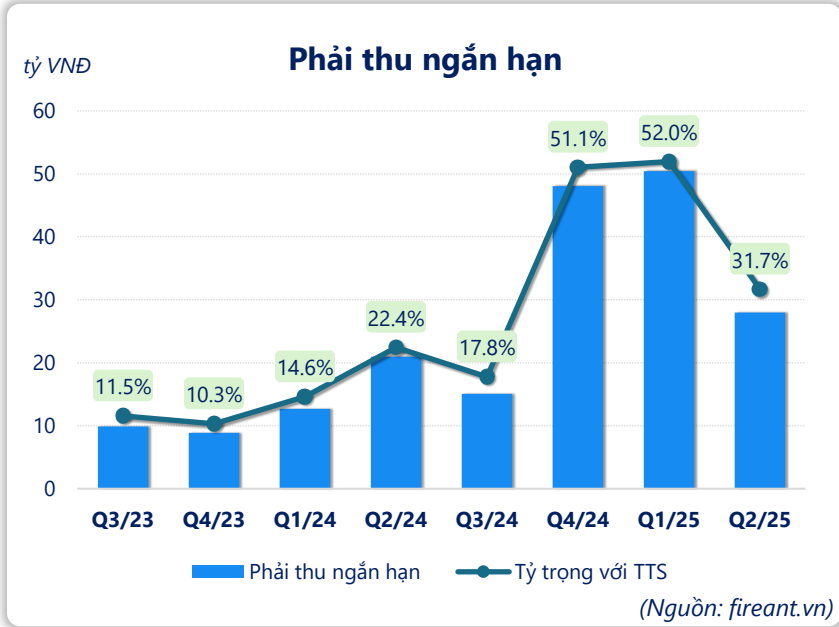
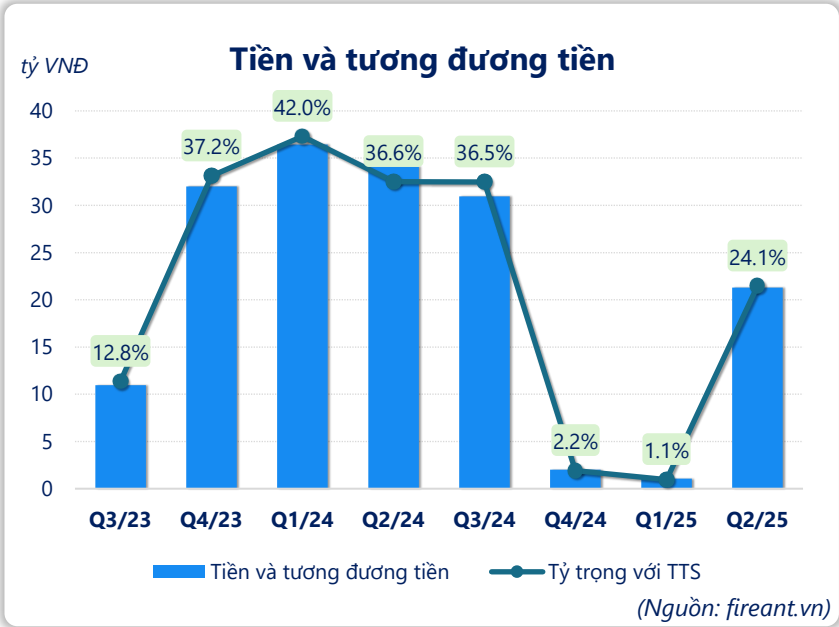
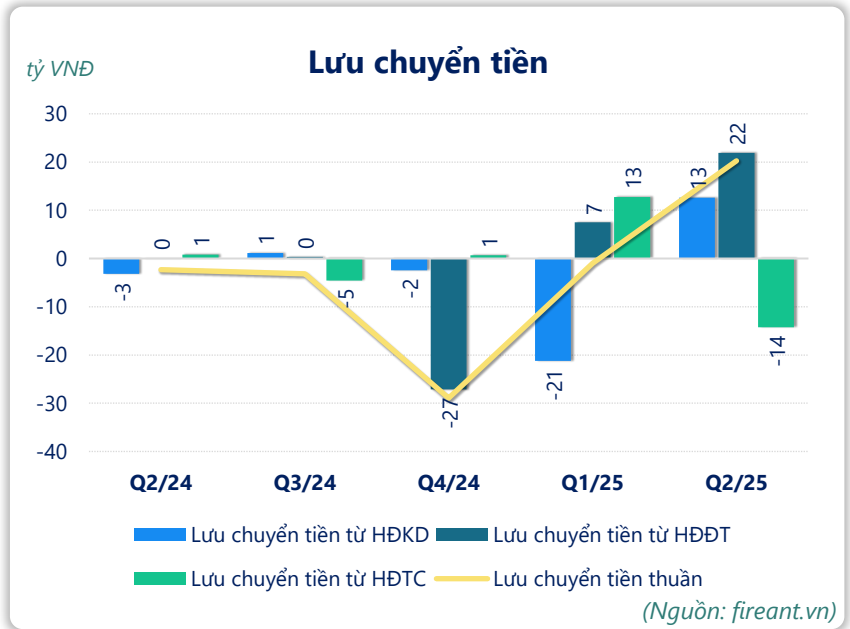
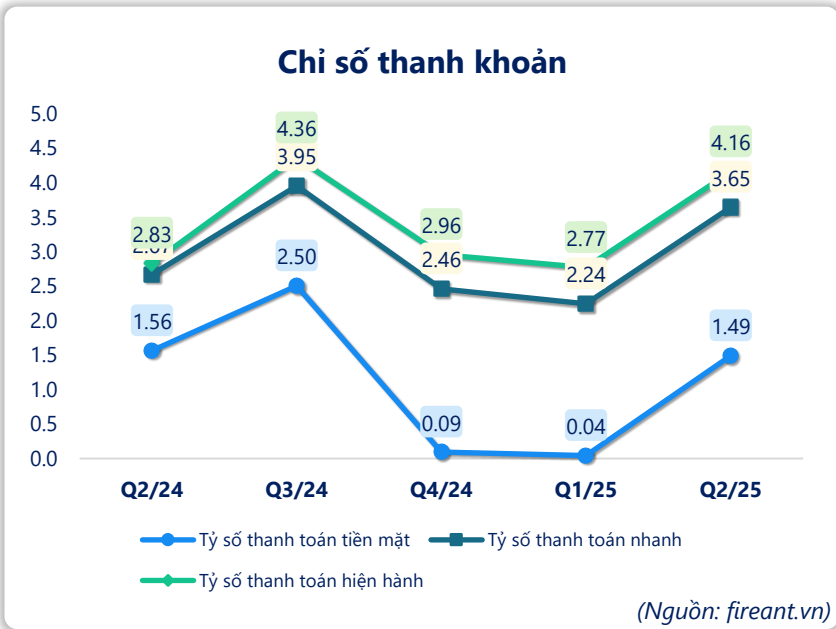
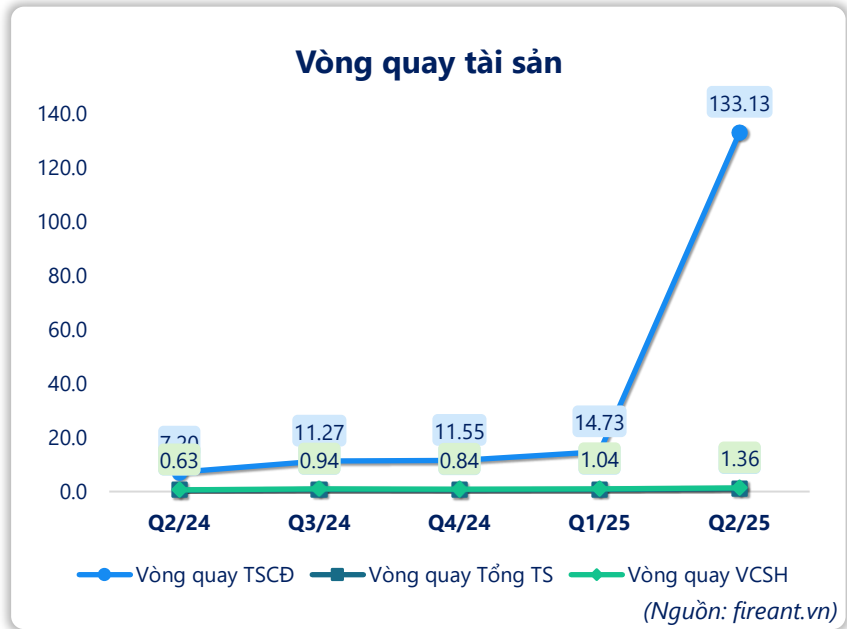
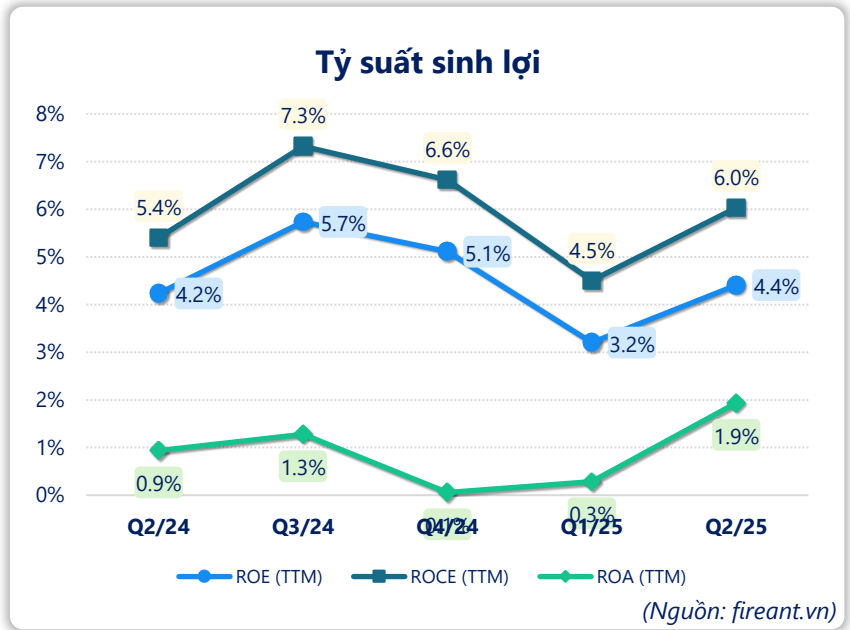
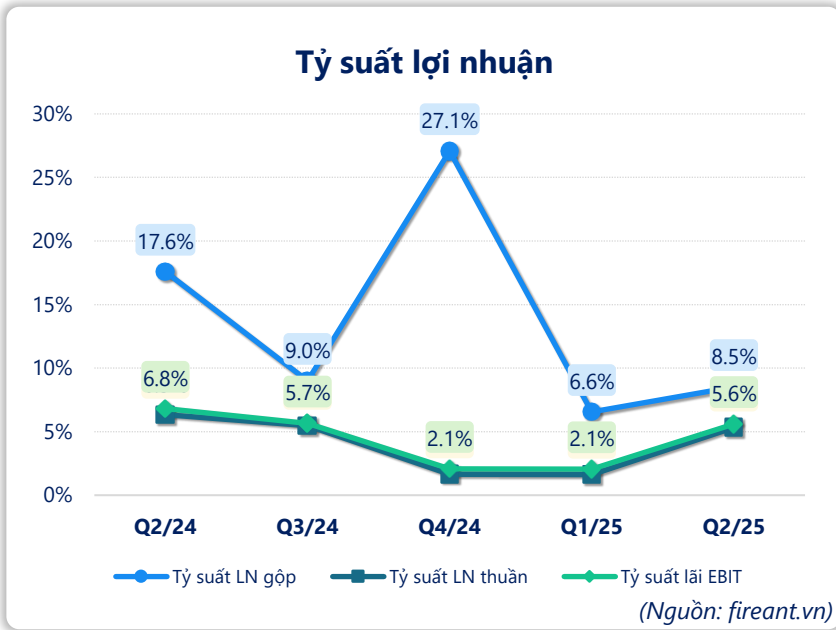
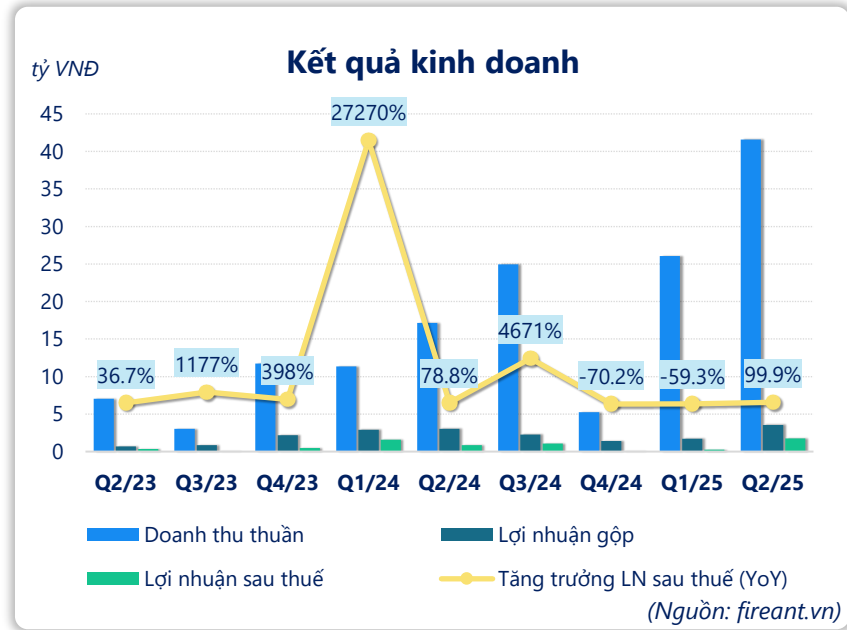


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,600
SL cổ phiếu LH		6,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,560
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		45
P/E		14.2
EPS		527

	YTD	1T	3T	6T
VCM	-13.8%	-25.0%	0.0%	-9.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	88.2	94.1	-6.2%
Tài sản ngắn hạn	59.5	64.5	-7.9%
Tiền và tương đương tiền	21.3	2.03	950%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	28.0	48.0	-41.7%
Hàng tồn kho	7.32	11.0	-33.2%
Tài sản ngắn hạn khác	2.87	3.58	-19.7%
Tài sản dài hạn	28.8	29.6	-2.7%
Phải thu dài hạn	0.55	0.55	0.0%
Tài sản cố định	0.15	0.15	4.2%
Bất động sản đầu tư	28.1	28.9	-2.8%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.03	0.04	-30.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	15.2	22.7	-33.1%
Nợ ngắn hạn	14.3	21.8	-34.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	1.46	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.44	8.58	-24.9%
Nợ dài hạn	0.88	0.87	1.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	73.1	71.4	2.3%
Vốn chủ sở hữu	73.1	71.4	2.3%
Vốn điều lệ	60.0	60.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	17.1	25.0	5.24	26.0	41.6
Giá vốn hàng bán	14.1	22.7	3.82	24.3	38.0
Lợi nhuận gộp	3.02	2.25	1.42	1.71	3.54
Doanh thu HĐTC	0.14	0.39	0.50	0.54	0.34
Chi phí TC	0.09	0.04	-0.03	0.16	0.13
Chi phí lãi vay	0.09	0.04	0.02	0.11	0.13
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.40	0.28	0.43	0.40	0.43
Chi phí QLDN	1.58	0.94	1.43	1.26	1.10
LN thuần từ HĐKD	1.09	1.36	0.09	0.42	2.22
Lợi nhuận khác	-0.01	0.00	0.00	0.00	-0.02
LN trước thuế	1.07	1.37	0.09	0.42	2.20
Lợi nhuận sau thuế	0.85	1.09	0.05	0.27	1.76
LNST của CĐ cty mẹ	0.85	1.09	0.05	0.27	1.76

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.21	1.12	-2.46	-21.2	12.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.09	0.32	-27.1	7.47	21.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.80	-4.60	0.66	12.8	-14.2
Tiền đầu kỳ	36.4	34.1	31.0	2.03	1.05
Lưu chuyển tiền thuần	-2.32	-3.16	-28.9	-0.98	20.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	34.1	31.0	2.03	1.05	21.3

(Nguồn: fireant.vn)